

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2020/HS-ST
Ngày: 30-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phước Trinh;
- Ông Thái Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1993 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Lệ C, sinh năm: 1968; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 31/5/2017 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/6/2017.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 11/4/2014 bị Công an xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

- Ngày 15/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đang chấp hành án theo Bản án số 111/2018/HS-ST ngày 15/11/2018.

2. Họ và tên: Trần Tấn Đ, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1996 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 3, ấp X, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2, sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 31/5/2017 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 05/9/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đang chấp hành án theo Bản án số 111/2018/HS-ST ngày 15/11/2018.

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8, đường số 40, ấp N, xã G, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 31/3/2018, Nguyễn Thanh T hỏi mượn xe máy biển số 59P2-058.XX của ông Hồ Đắc Đ1, sinh năm: 1994 để chở Trần Tấn Đ đi ăn sáng, Đ1 đồng ý. Đ điều khiển xe máy trên chở T. Trên đường đi tìm chỗ ăn sáng, khi đến trước nhà của bà Nguyễn Thị T3 ở địa chỉ số 8, đường số 40, ấp X, xã G, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện chiếc xe máy biển số 63B1-733.XX dựng trong sân không có người trông giữ còn cổng rào mở sẵn nên T kêu Đ dừng xe ở ngoài đưa chìa khóa cho Đ mở cốp xe lấy kèm và cây vít để vào trong lấy trộm xe. Sau đó Đ đứng ở ngoài cảnh giới, T đi bộ vào trong lén lút bẻ khóa và đang đẩy chiếc xe ra ngoài thì bị chủ nhà phát hiện truy hô, T và Đ bỏ chạy. Đ điều khiển xe máy biển số 59P2-058.XX vô trả cho Đ1 còn T điều khiển xe máy 63B1-733.XX đến khu vực ngã tư An Sương, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người tên T4 không rõ lai lịch với giá 8.500.000đ, T nói xe của gia đình bị mất giấy tờ. Bán xe xong T điện thoại cho Đ xuống quán nước ở ngã tư An Sương, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đón về. Trên đường về T chia cho Đ 4.000.000đ, cho Đ1 500.000đ nhưng không nói cho Đ1 biết đây là tiền bán xe mà có.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 209/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thể hiện: Giá trị tài sản thiệt hại là 20.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu trắng tím biển số 59P2-058.XX, 01 nón bảo hiểm nhựa màu trắng bạc, 01 điện thoại di động Nokia loại 2.700 classic màu sơn trắng đen đều đã được trả lại cho chủ sở hữu.

Về dân sự: Bị hại yêu cầu trả lại chiếc xe máy biển số 63B1-733.XX đã bị lấy trộm. Bị hại hiện không còn ở địa phương, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã ra thông báo truy tìm.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 26 tháng 5 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Trần Tấn Đ và Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 31/3/2018, bị cáo có mượn xe máy của Hồ Đắc Đ1 chở bị cáo Đ đi ăn sáng, lúc đi Đ chở bị cáo, trên đường đi tìm chỗ ăn sáng đi ngang nhà số 8, đường số 40, ấp N, xã G, huyện C thì bị cáo phát hiện xe máy biển số 63B1-733.XX dựng trước sân, cổng không đóng nên nảy sinh ý định lấy trộm, xe dựng có khóa cổ bị cáo nói bị cáo Đ đưa chìa khóa mở cốp xe của Đ1 lấy kèm và cây vít mang vào bẻ khóa, Đ đứng ngoài chờ bị cáo, bị cáo không nói cho bị cáo Đ biết ý định trộm xe, khi bị cáo chạy xe trộm cắp ra thì Đ mới biết. Lúc bị cáo bẻ khóa được lên xe nổ máy thì bị phát hiện, bị cáo điều khiển xe máy biển số 63B1-733.XX bỏ chạy đến ngã tư An S, Quận 12 liên hệ với một người tên T4 đã quan biết từ trước vì biết T4 cần mua xe, bị cáo không nói cho T4 biết là xe bị cáo trộm được mà nói là xe nhà bị mất giấy tờ. Bán xe xong bị cáo điện thoại cho bị cáo Đ xuống chở bị cáo về, bị cáo Đ chạy xe của Đ1 đón bị cáo. Bị cáo chia cho Đ 4.000.000đ, cho Đ1 500.000đ nhưng không có nói với Đ1 là tiền bán xe trộm cắp. Tiền được chia bị cáo đã tiêu xài hết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 31/3/2018, bị cáo, bị cáo T và Hồ Đắc Đ1 đến nhà người bạn tên T5 ở ấp S, xã H, huyện C chơi, lúc này T5 đang ngủ. Bị cáo T mượn xe của Đ1 để bị cáo chở T đi ăn sáng, khi đi ngang nhà số 8, đường số 40, ấp N, xã G, huyện C thì bị cáo T nói bị cáo dừng xe lại, bị cáo biết là bị cáo T đi trộm cắp tài sản, bị cáo T xuống đi vào trong nhà số 8, khoảng 05 phút sau bị cáo thấy bị cáo T đẩy xe máy biển số 63B1-733.XX ra, cổng nhà số 8 mở sẵn. Khi bị cáo T nổ máy xe thì bị chủ nhà phát hiện truy hô, bị cáo T chạy xe vừa trộm được bỏ chạy, bị cáo và bị cáo T bỏ chạy theo hai hướng khác nhau. Bị cáo không biết bị cáo T đi đâu, còn bị cáo chạy xe về trả cho Đ1, Đ1 không biết việc bị cáo T và bị cáo lấy trộm xe. Đến chiều cùng ngày bị cáo T điện thoại cho bị cáo kêu xuống Bệnh viện Xuyên Á đón T về. Bị cáo chở T về lại nhà T5, bị cáo T chia cho bị cáo 4.000.000đ, cho Đ1 500.000đ, T5 ngủ trong phòng nên không biết sự việc. Bị cáo T có nói cho bị cáo biết việc bán xe nhưng không nói bán được bao nhiêu. Tiền được chia bị cáo đã tiêu xài hết.

Tại phiên tòa, bị hại là bà Nguyễn Thị T3 vắng mặt, lời khai của bà T3 tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Củ Chi thể hiện: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 31/3/2018 bà mở cổng nhà để đẩy chiếc xe máy hiệu Honda Wave S màu xanh biển số 63B1-733.XX chở con bà đi khám mắt, khi bà vào trong nhà gọi con thì nghe

tiếng xe báo hiệu títt, bà quay ra thì thấy một thanh niên lẩy trộm xe máy của bà chạy về hướng đường Liêu Bình Hương. Xe bà mua vào ngày 18/01/2018 với giá 23.000.000đ, bà đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án tù 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Tấn Đ mức án tù 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 32 và Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về nghĩa vụ dân sự: Áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và Trần Tấn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thanh T không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo Trần Tấn Đ không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo Nguyễn Thanh T nói lời nói sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo suy nghĩ rất nhiều và rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ để sớm trở về lo cho gia đình.

Bị cáo Trần Tấn Đ nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy biển số 63B1-733.XX của bà Nguyễn Thị T3 có giá trị là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và Trần Tấn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T và Trần Tấn Đ là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là sai trái, phạm pháp nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi của cá nhân bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thanh T có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Tấn Đ có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

Trong vụ án, bị cáo T là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Đ là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nghĩa vụ dân sự:

Hội đồng xét xử xét tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng tại lời khai của bị hại thể hiện nội dung bị hại yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, chiếc xe máy biển số 63B1-733.XX các bị cáo đã bán cho người tên T4 không rõ lai lịch, không thu hồi được nên Hội đồng xét xử xét buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ tương ứng với giá trị chiếc xe. Các bị cáo đồng ý bồi

thường cho bị hại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này để buộc bị cáo bồi thường cho bị hại.

[7] Về các vấn đề khác:

Ông Hồ Đắc Đ1 không biết sự việc bị cáo T và bị cáo Đ mượn xe máy của mình sử dụng làm phương tiện phạm tội và số tiền 500.000đ là tiền bán tài sản trộm cắp mà có, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không xử lý hình sự nên hội đồng xét xử không xét.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 111/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu hình phạt tổng cộng là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2018.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 171, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn Đ 02 (Hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 111/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu hình phạt tổng cộng là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2018.

3. Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của bị hại là bà Nguyễn Thị T3.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Tấn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T3 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ chậm trả tiền thì bị cáo T, bị cáo Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điểm a, Điểm g Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng);

- Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Trần Tấn Đ mỗi bị cáo phải chịu là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**